TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2026
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh, ông Nguyễn Sỹ Thông
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện khu vực 8-Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2026/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXX-ST ngày 14/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Minh C, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn D, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Minh C trình bày: Chị Trần Thị Minh C và anh Trần Văn D chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh, chị hoàn toàn tự nguyện. Anh, chị có 02 người con chung là cháu Trần Thị Dịu T – Sinh ngày 18/8/2001, cháu Trần Thị T1 – sinh ngày 30/01/2007 hiện nay các cháu đã trưởng thành. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị C và anh D đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Vì vậy chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn D.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo lời khai của bị đơn anh Trần Văn D trong quá trình giải quyết vụ án:* anh Trần Văn D và chị Trần Thị Minh C chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh, chị hoàn toàn tự nguyện. Anh, chị có 02 người con chung là cháu Trần Thị Dịu T – Sinh ngày 18/8/2001, cháu Trần Thị T1 – sinh ngày 30/01/2007 hiện nay các cháu đã trưởng thành. Về

nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh D và chị C đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Vì vậy trước yêu cầu của chị C xinTòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh và chị C là quan hệ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh C, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Minh C và anh Trần Văn D là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Minh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Minh C yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn D, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Trần Văn D có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lâm Đồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh C:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh C và anh Trần Văn D đều thừa nhận đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, mặc dù các bên có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Minh C, anh Trần Văn D không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng và không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp

pháp. Do đó việc chị Trần Thị Minh C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Trần Văn D là vợ, chồng hợp pháp là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

- Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lâm Đồng tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Minh C. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Minh C và anh Trần Văn D là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Minh C phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005773 ngày 02/4/2026 tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 8 – Lâm Đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8-Lâm Đồng;
- UBND xã Đức An, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng